

KHÓ KHĂN HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH ĐẦU TIỂU HỌC CÓ RỐI LOẠN TĂNG ĐỘNG GIẢM CHÚ Ý

PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng

Hoàng Thị Nam Phương

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

TÓM TẮT

Rối loạn tăng động, giảm chú ý mà biểu hiện là tăng hoạt động quá mức kèm xung động và có sự giảm chú ý rõ rệt là một dạng rối loạn không hiếm gặp ở trẻ em. Kết quả sàng lọc của chúng tôi trên 948 học sinh tiểu học trong nghiên cứu được trình bày dưới đây cho thấy có 44 em (chiếm 4,6%) mắc rối loạn tăng động giảm chú ý. Trẻ mắc tăng động giảm chú ý gặp một số khó khăn nhất định trong cuộc sống. Tuy nhiên, khi trẻ còn nhỏ, những khó khăn đó chưa được cha mẹ quan tâm nhiều. Chỉ đến khi trẻ đi học thì ảnh hưởng của rối loạn này mới biểu hiện một cách rõ rệt và làm cho cha mẹ lo lắng. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, trẻ tăng động giảm chú ý gặp nhiều khó khăn học đường, trong đó khó khăn lớn nhất là kém thích nghi với hoạt động học tập.

Từ khóa: Rối loạn tăng động, giảm chú ý (ADHD); trẻ có rối loạn tăng động, giảm chú ý; khó khăn học đường; khó khăn trong các mối quan hệ học đường; khó khăn về tâm lý cá nhân.

1. Đặt vấn đề

Theo nhiều thống kê của các nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam, trong tất cả các rối loạn tâm lý gặp phải gây ảnh hưởng đến hoạt động học đường thì chứng tăng động, giảm chú ý (Attention deficit hyperactivity disorder - ADHD) là một trong những rối loạn được bắt gặp khá nhiều. Cuộc điều tra của Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ năm 1994 cho thấy, tỷ lệ này ở Mỹ là 3 - 5%. Nếu như ở các nước phương Tây, rối loạn tăng động, giảm chú ý là một vấn đề đã được xã hội hiểu, chấp nhận và hỗ trợ thì ở Việt Nam rối loạn tăng động, giảm chú ý vẫn là một vấn đề khá mới mẻ. Mặc dù trong những năm gần đây, rối loạn tăng động, giảm chú ý nói riêng và sức khỏe tâm thần nói

chung đã và đang nhận được sự chú ý của đông đảo giới chuyên môn, song cộng đồng vẫn chưa thực sự có cái nhìn phù hợp đối với vấn đề này. Khi đến trường, trẻ có rối loạn tăng động, giảm chú ý vẫn bị xem như những học sinh “bất trị”, trong khi đó, nếu người lớn có phương pháp trợ giúp phù hợp thì trẻ hoàn toàn có thể cải thiện một cách đáng kể tình trạng của mình. Thực trạng trên đặt ra cho các nhà tâm lý một yêu cầu cần phải tìm hiểu những vấn đề mà học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý đang gặp phải, đặc biệt là các khó khăn học đường của các em, cũng như đánh giá các yếu tố liên quan - từ đó đề xuất các giải pháp giảm nhằm giảm thiểu các khó khăn này.

Nghiên cứu về khó khăn học đường của học sinh đầu tiểu học có rối loạn tăng động, giảm chú ý được thực hiện ở thành phố Huế trên phạm vi 4 trường tiểu học: Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, Trường Tiểu học Hương Long, Trường Tiểu học tư thục Chi Lăng và Trường Tiểu học tư thục Huế Star.

Để chọn mẫu nghiên cứu, trước hết, chúng tôi phát bảng hỏi cho giáo viên chủ nhiệm để giáo viên liệt kê ra danh sách các em có biểu hiện tăng động - giảm chú ý.

Theo đó, kết quả đánh giá của giáo viên là: trong tổng số 948 học sinh của cả 3 trường có 53 em có rối loạn tăng động, giảm chú ý.

Tiếp theo, chúng tôi sử dụng bảng kiểm rối loạn tăng động, giảm chú ý để sàng lọc lại 53 học sinh nói trên. Kết quả cho thấy, trong tổng số 53 học sinh chỉ có 44 học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý cao hơn mức trung bình trở lên. Dựa vào đó, chúng tôi chọn 44 học sinh này là khách thể nghiên cứu chính của đề tài.

Ngoài ra, hai nhóm khách thể khác là giáo viên (39 người) và phụ huynh (53 người) cũng được khảo sát trong nghiên cứu này.

2. Phương pháp nghiên cứu

- *Thang đo lâm sàng*: Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã thiết kế một thang đo rối loạn tăng động, giảm chú ý để làm công cụ nghiên cứu của mình. Thang đo này được thiết kế dựa trên các tiêu chuẩn chẩn đoán của DSM-IV. Bảng gồm có 27 mệnh đề được xây dựng dựa trên ba dấu hiệu điển hình của rối loạn tăng động, giảm chú ý: 1) giảm chú ý; 2) tăng động; 3) xung động. Trong đó, 10 mệnh đề đầu nêu lên các dấu hiệu của sự giảm chú ý, 9 mệnh đề tiếp theo mô tả các biểu hiện tăng động và 8 mệnh đề còn lại là các biểu hiện của tính xung động. Tất cả các mệnh đề đều được đánh giá theo mức độ thường xuyên từ 1 đến 5, trong đó 1 là không bao giờ (hoặc không có, không đúng) và 5 là rất thường xuyên.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Phương pháp này đã được sử dụng để khai thác thông tin từ 5 giáo viên và 5 phụ huynh để thu thập thông tin theo

chiều sâu.

- **Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:** Chúng tôi thiết kế 2 loại bảng hỏi: 01 bảng dành cho giáo viên và 01 bảng dành cho phụ huynh nhằm thu thập thông tin về khó khăn học đường của học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý.

- **Phương pháp quan sát:** Phương pháp quan sát được thực hiện nhằm phát hiện và kiểm chứng các thông tin thu thập được và đối chiếu vào thực tế. Phương pháp quan sát đã được thực hiện tại hai thời điểm là trong giờ học và giờ ra chơi.

- **Phương pháp phân tích tranh vẽ:** Mỗi học sinh trong nhóm có các khó khăn học đường tương đối rõ rệt được yêu cầu vẽ hai bức tranh với chủ đề: “Trường của em” và “Lớp học của em”. Mục đích của phương pháp này là tìm hiểu biểu tượng của các em về trường, lớp cũng như bạn bè và thầy/cô giáo, thông qua đó đánh giá các khó khăn học đường mà các em đang gặp phải.

3. Một số khái niệm cơ bản

3.1. Khái niệm “Khó khăn học đường”

Theo chúng tôi, *khó khăn học đường là toàn bộ những điều kiện khách quan và chủ quan gây trở ngại, cản trở cho cá nhân trong quá trình hoạt động với những yêu cầu đặc trưng của hoạt động học tập ở trường học, làm ảnh hưởng xấu tới tiến trình và kết quả của hoạt động đó.*

Các điều kiện khách quan ở đây chính là những điều kiện thuộc về môi trường tâm lý sư phạm bao gồm các yếu tố như chương trình và giáo trình; phương pháp giảng dạy của giáo viên; trình độ chuyên môn của giáo viên và định hướng nghề nghiệp của họ; đặc điểm của bầu không khí tâm lý - xã hội trong trường học; các chuẩn mực và giá trị của tập thể giáo viên; các quy định của nhà trường đối với học sinh, các giá trị và chuẩn mực cần rèn luyện ở các em v.v...

Những điều kiện chủ quan bao gồm các yếu tố thuộc về đặc điểm tâm lý của cá nhân như tính cách, khí chất, năng lực... Bên cạnh đó, cũng phải kể đến chất lượng của sự tương tác qua lại giữa các điều kiện chủ quan và các điều kiện khách quan bởi đây cũng là một yếu tố rất quan trọng tác động đến các vấn đề học đường.

Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu tập trung làm rõ những khó khăn học đường của học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý biểu hiện ở ba phương diện sau:

- Khó khăn trong hoạt động học tập.

- Khó khăn trong các mối quan hệ học đường.
- Khó khăn về tâm lý cá nhân.

3.2. Khái niệm “Rối loạn tăng động, giảm chú ý”

Theo định nghĩa của ICD-10 trong mục F90 thì rối loạn tăng động, giảm chú ý là dấu hiệu khởi phát sớm, sự kết hợp của một hành vi hoạt động quá mức, kém kiểm tra với thiếu chú ý rõ rệt và thiếu kiên trì trong cộng việc; và những đặc điểm hành vi lan tỏa trong một số lớn hoàn cảnh và kéo dài với thời gian (Tổ chức Y tế thế giới, 1992, tr. 258).

Còn theo DSM-IV-TR thì rối loạn tăng động, giảm chú ý là sự biểu hiện dai dẳng và thường xuyên của sự thiếu tập trung chú ý và/hoặc sự hoạt động/xung động quá mức bình thường so với những trẻ khác cùng tuổi phát triển (American Psychiatric Association, 2000, tr. 85).

So với phiên bản DSM-III, ở DSM-IV, rối loạn được chia thành 3 thể: thể giảm chú ý chiếm ưu thế (ADHD-I), thể tăng động chiếm ưu thế (ADHD-H) và thể kết hợp (ADHD-C).

Như vậy, chúng tôi thống nhất rằng, rối loạn tăng động, giảm chú ý là biểu hiện kéo dài và thường xuyên sự thiếu tập trung chú ý và/hoặc hoạt động, xung động quá mức bình thường so với những trẻ khác cùng lứa tuổi.

4. Kết quả nghiên cứu

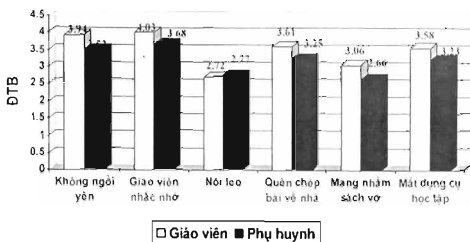
Kết quả phân tích thang đo rối loạn tăng động, giảm chú ý cho thấy, trong tổng số 948 học sinh thuộc ba khối 1, 2, 3 ở bốn trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu, có 44 em có số điểm rối loạn cao hơn mức trung bình, như vậy, tỷ lệ rối loạn tăng động, giảm chú ý là 4,6% - phù hợp với các thống kê dịch tễ học về rối loạn tăng động, giảm chú ý trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Trong số 44 trẻ thuộc diện nghiên cứu có: 81,8% trẻ có rối loạn tăng động, giảm chú ý thể kết hợp (36 em); 15,9% trẻ thuộc thể tăng động - xung động ưu thế (7 em) và 2,3% trẻ có rối loạn giảm chú ý trội (1 em). Số lượng trẻ nam nhiều gấp 6 lần so với trẻ nữ. Kết quả này cũng khá phù hợp với đặc điểm phân bố của rối loạn tăng động, giảm chú ý ở các nghiên cứu khác trong nước cũng như ở nước ngoài.

Sau đây là kết quả nghiên cứu cụ thể về khó khăn học đường của học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý thuộc diện khảo sát của chúng tôi.

4.1. Khó khăn biểu hiện trong việc thích nghi với hoạt động học tập

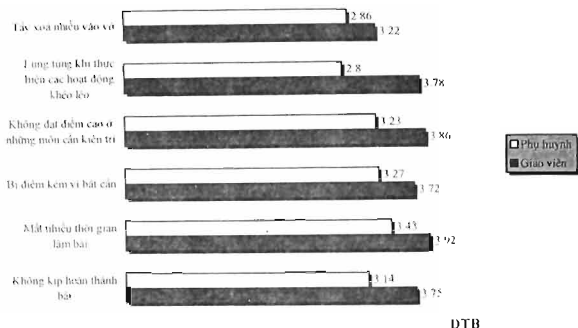
4.1.1. Khó khăn trong việc thích nghi với nội quy học đường



Biểu đồ 1: Khó khăn trong việc thích nghi với nội quy học đường

Biểu hiện đầu tiên được cho là rõ rệt nhất và nhận được sự đánh giá giống nhau giữa giáo viên và phụ huynh là các biểu hiện: “*Giáo viên phải thường xuyên nhắc nhở thì trẻ mới tập trung vào bài*” - xếp vị trí thứ nhất với điểm trung bình ở giáo viên là 4,03 và điểm trung bình ở phụ huynh là 3,68. Xếp thứ hai là “*Trẻ không thể ngồi yên để tiếp thu bài giảng trong giờ học*” (chui xuống gầm bàn, gầm ghế hoặc quay ngang, quay ngửa nói chuyện riêng) với điểm trung bình ở giáo viên = 3,94; điểm trung bình ở phụ huynh = 3,52. Đây là hai trong số ba chỉ báo nhận được sự thống nhất trong đánh giá của giáo viên và phụ huynh. Hai biểu hiện này thường đi kèm với nhau và gặp ở hầu hết các học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý trong trường học. Một giờ học ở bậc tiểu học kéo dài khoảng 35 phút. Tuy nhiên, khả năng tập trung của nhiều học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý chỉ có thể kéo dài trong 5 đến 10 phút. Bởi vậy, việc phải ngồi yên trong lớp suốt 35 phút của một tiết học là một điều vô cùng khó khăn đối với những học sinh này. Trẻ thường xuyên quay qua, quay lại, chui xuống gầm bàn, gầm ghế bởi việc này khiến cho các em cảm thấy thoải mái hơn. Các cô giáo ở trường chia sẻ rằng, những học sinh này thường không thể ngồi yên hoặc không tập trung vào một việc được. Các em thường di loanh quanh khi cả lớp hoạt động nhóm, phá rối và trêu chọc bạn bè, làm cho các bạn khác cũng mất tập trung. Học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý còn gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý kiến của mình. Một số em khác lại nghịch phá liên tục, nói rất nhiều và thường nói khi chưa được giáo viên cho phép, khi chưa tới lượt. Có đến 75% giáo viên cho rằng, trẻ có biểu hiện nói leo trong giờ học. Vì thế, để giữ cho lớp học được trật tự và đưa các em vào nề nếp, giáo viên buộc phải thường xuyên nhắc nhở các em bằng cách gọi tên, ra hiệu hoặc thể hiện những hành vi phi ngôn ngữ khác.

4.1.2. Khó khăn trong việc thích nghi với bản thân hoạt động học tập



Biểu đồ 2: Khó khăn trong việc thích nghi đối với bản thân hoạt động học tập

Nếu ở lớp, nhiệm vụ của trẻ là tập trung tiếp thu bài giảng và hoàn thành khối lượng bài tập cô giáo giao cho thì ở nhà, trẻ cũng cần phải hoàn thành một khối lượng bài vở nhất định. Cả hai điều này đều là những công việc rất khó khăn đối với học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý. Với điểm trung bình ở giáo viên = 3,92 và điểm trung bình ở phụ huynh = 3,43 cho thấy, tỷ lệ khá lớn giáo viên và phụ huynh khẳng định trẻ thường xuyên “*mất nhiều thời gian để làm bài tập ở lớp/bài tập về nhà hơn so với các bạn*”. Lý do của việc chậm trễ này không gì khác ngoài việc trẻ không có khả năng tập trung cao độ vào công việc được giao.

Ngoài những biểu hiện điển hình của sự sao nhãng trong công việc, học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý còn có một đặc điểm chung nữa là rất bất cẩn. Chính tính xung động đi kèm với khả năng tập trung kém khiến cho trẻ thường xuyên bỏ qua các tiểu tiết trong bài tập hoặc là không đạt được điểm số cao trong các môn học đòi hỏi sự kiên trì cũng như cẩn trọng. Nhóm các môn học này bao gồm có tập viết, tập đọc và thủ công. Có đến 69,4% giáo viên và 22,7% phụ huynh cho biết học trò/con của mình thường xuyên đạt điểm số thấp trong các môn học đòi hỏi sự kiên trì; số phụ huynh còn lại đều cho biết con mình thỉnh thoảng cũng nhận được điểm số thấp ở các môn học trên (điểm trung bình ở giáo viên = 3,86, điểm trung bình ở phụ huynh = 3,23).

Bên cạnh những môn học đòi hỏi sự kiên trì, một số môn học khác lại yêu cầu ở học sinh sự cẩn thận trong suy nghĩ và làm bài mà điển hình là môn toán. Nhiều giáo viên và phụ huynh cho biết, các em khá thông minh và nhanh nhẹn, tuy nhiên, khi làm bài các em lại thường bỏ qua các chi tiết nhỏ. Cả giáo viên và phụ huynh đều thống nhất cho rằng: *"khi làm bài trẻ thường bị điểm kém vì bỏ qua những chi tiết nhỏ trong bài hoặc lỗi bất cẩn (đặc biệt đối với môn toán)"* (điểm trung bình ở giáo viên = 3,72 và điểm trung bình ở phụ huynh = 3,23). Kết quả nghiên cứu này khá phù hợp với kết quả nghiên cứu của Barkley, DuPaul và Murray (1990). Các tác giả trên cho biết, khoảng 20 đến 25% trẻ em có rối loạn tăng động, giảm chú ý bị rối loạn năng lực học tập ở môn toán, tập đọc hay chính tả và nhiều các em trong số đó được đưa vào các chương trình giáo dục đặc biệt vì có khó khăn trong việc thích nghi với môi trường lớp học điển hình.

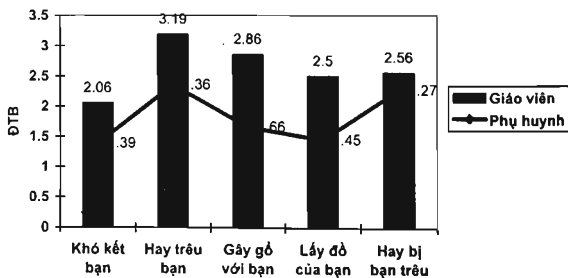
Khi tiến hành thu thập các thông tin cần thiết cho nghiên cứu này, chúng tôi cũng đã tìm hiểu về tình hình và kết quả học tập hiện tại của các em. Trong số 44 trẻ, có 6 em (13,6%) đạt thành tích học tập xuất sắc, 17 em (38,6%) đạt thành tích học tập loại giỏi, 15 em (34,1%) đạt thành tích học tập loại khá và 6 em (13,6%) chỉ đạt thành tích học tập trung bình. Như vậy có thể thấy rằng, những khó khăn học tập nêu trên không ảnh hưởng nhiều đến kết quả học tập của học sinh. Điều này có thể được lý giải như sau: *Thứ nhất*, có thể trẻ gặp nhiều khó khăn trong các vấn đề học đường song nhờ sự nỗ lực của bản thân trẻ và sự hỗ trợ của gia đình mà trẻ vẫn có thể duy trì được kết quả học tập tốt; *Thứ hai*, ở Việt Nam, trong các nhà trường phổ thông (đặc biệt là tiểu học), giáo viên rất chú trọng và nghiêm khắc trong việc rèn nề nếp học tập cho học sinh, vì thế mà hạn chế được rất nhiều những ảnh hưởng của rối loạn tăng động, giảm chú ý đến kết quả học tập của học sinh; *Thứ ba*, giáo viên thường có xu hướng cho điểm cao hơn để mặt bằng học lực chung của lớp "đẹp" hơn và đạt được thành tích thi đua của nhà trường. Tuy nhiên, đây chỉ là những giả thiết. Để có thể đưa ra được kết luận cho vấn đề này cần phải có những khảo sát, nghiên cứu thêm.

4.2. Khó khăn trong việc xây dựng các quan hệ học đường

4.2.1. Khó khăn trong quan hệ với bạn học

Các vấn đề nảy sinh trong quan hệ với bạn bè được xem như là một đặc điểm phát triển lứa tuổi ở học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý. Học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý mà đặc biệt là trẻ có chỉ số tăng động - xung động cao thường rất dễ nổi nóng, kèm theo đó là khả năng kiểm chế kém khiến cho trẻ rất dễ có các hành vi hung tính mà biểu hiện rõ nhất là việc gây gổ và đánh nhau với bạn. Mặc dù những trẻ này cũng thường thân thiện và thích nói chuyện nhưng các em lại kém nhạy cảm, chẳng hạn, trẻ thường không nhận ra khi bạn cùng chơi tỏ ra chán với hoạt động liên miên của chúng. Trẻ cũng

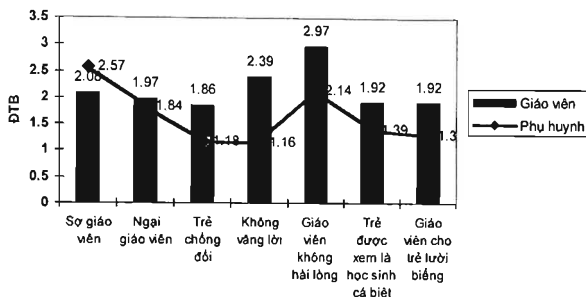
thường xuyên hiểu sai ý muốn và mục đích của bạn bè nên gây ra những lỗi do vô ý. Có 5,6% giáo viên cho rằng các học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý trong lớp mình *rất thường xuyên* có những hành vi trêu chọc bạn, 33,3% cho rằng học sinh của mình *thường xuyên* có những biểu hiện trên và 44% cho rằng các học sinh rối loạn tăng động, giảm chú ý trong lớp mình *thỉnh thoảng* lại có những biểu hiện như vậy (*điểm trung bình ở giáo viên = 3,19*). Điều này cũng nhận được sự đồng tình của phụ huynh (*điểm trung bình ở phụ huynh = 2,63*). Cùng với việc hay trêu chọc bạn thì ở trẻ có rối loạn tăng động, giảm chú ý cũng khá thường xuyên có sự xích mích, mâu thuẫn với bạn, thậm chí còn gây gổ, đánh nhau. Có 22,2% giáo viên cho biết, họ thường xuyên phải giải quyết những cuộc xích mích và đánh nhau giữa học sinh của mình mà quá nửa trong đó là do các em có rối loạn tăng động, giảm chú ý gây ra; có 55,6% giáo viên ở các lớp khác thỉnh thoảng cũng gặp phải những tình huống tương tự. Chỉ có 22,2% giáo viên còn lại cho rằng, học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý trong lớp học hoặc là không có hoặc là ít khi có hành vi gây hấn với các bạn. Bên cạnh những xích mích liên quan đến hoạt động chơi, học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý rất dễ vướng vào một vấn đề khác với bạn, đó là việc tranh giành đồ dùng sở hữu của bạn. Những hành vi này không những gây nên những ảnh hưởng không tốt giữa các em với bạn của mình mà có thể còn dẫn đến những hậu quả lớn hơn về sau. Việc các em lấy đồ dùng của các bạn mà chưa nhận được sự đồng ý ở đây chưa thể nói lên rằng các em có hành vi trộm cắp, tuy nhiên nếu không điều chỉnh, nó có thể trở thành những hành vi sai phạm liên quan đến mặt đạo đức lớn hơn về sau.



Biểu đồ 3: Khó khăn trong quan hệ với bạn học

4.2.2. Khó khăn trong quan hệ với giáo viên

Đối với các trẻ bình thường, việc xây dựng mối quan hệ với giáo viên đã là khó khăn thì đối với những học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý giai đoạn đầu tiểu học việc thiết lập và duy trì mối quan hệ này lại càng là một vấn đề lớn. Bản thân các em, với những khó khăn của mình, thường không thể tập trung chú ý và làm ảnh hưởng đến các bạn cùng lớp khiến cho giáo viên rất mệt mỏi.



Biểu đồ 4: Khó khăn trong mối quan hệ với giáo viên

Với kết quả nghiên cứu thu được, trong tất cả những biểu hiện được đánh giá bởi phụ huynh thì “Sợ giáo viên” có điểm trung bình chung cao nhất và cũng là chỉ báo duy nhất ở phụ huynh có điểm trung bình cao hơn so với điểm trung bình của giáo viên. Cũng theo sự đánh giá của phụ huynh, cùng với sự sợ sệt và mất bình tĩnh trước giáo viên, có 34,1% trẻ ngại giao tiếp với giáo viên. Trong khi đó, có 30,5% giáo viên cũng cảm thấy, học trò của họ có biểu hiện như vậy. Tiếp đó, “Trẻ quá nghịch và không chú ý học bài khiến cho giáo viên không hài lòng” là biểu hiện có số điểm trung bình cao theo đánh giá của cả giáo viên và cả phụ huynh (điểm trung bình ở giáo viên = 2,97, điểm trung bình ở phụ huynh = 2,14).

Như vậy, trẻ có rối loạn tăng động, giảm chú ý được khảo sát gặp một số khó khăn trong việc xây dựng quan hệ với giáo viên, song các vấn đề mà các em gặp phải không quá nghiêm trọng. Hầu hết học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý đều rất thông minh, hóm hỉnh. Tuy nhiên, chúng lại là những trẻ thường xuyên mắc lỗi nhất. Những lỗi mắc phải của các em không phải là ngẫu nhiên mà thường lặp đi lặp lại nhiều lần. Nhiều giáo viên dù rất nỗ lực để nhắc nhở và

giúp các em điều chỉnh song có vẻ như sau một thời gian, mọi chuyện lại quay trở lại trạng thái ban đầu. Chính sự chậm tiến bộ của các em khiến cho giáo viên cảm thấy mệt mỏi và không hài lòng. Khi thực hiện nghiên cứu của mình, chúng tôi đã có cơ hội tiếp xúc rất nhiều với các giáo viên chủ nhiệm của các lớp và nhận thấy rằng, mặc dù rất mệt mỏi với các học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý trong lớp, nhưng hầu hết các thầy cô đều rất thương yêu trẻ, họ luôn tìm mọi cách để giúp đỡ trẻ tiến bộ. Tuy nhiên, có lẽ vì nhận thức về vấn đề của trẻ chưa thật đúng nên đôi khi giáo viên vẫn quy các vấn đề của trẻ là do được cha mẹ nuông chiều. Vì thế, họ áp dụng phương pháp giáo dục có phần quá nghiêm khắc khiến cho trẻ có tâm lý sợ sệt chính họ.

Có một điều khá thú vị là khi so sánh số năm kinh nghiệm (tuổi nghề) của giáo viên với yếu tố tâm lý "*sợ và ngại tiếp xúc*" với giáo viên, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt giữa nhóm giáo viên trẻ (tuổi nghề dưới 5 năm) và nhóm giáo viên có tuổi nghề lớn hơn (từ 5 năm trở lên). Phụ huynh cho rằng, con họ thường sợ và ngại giao tiếp với những giáo viên lớn tuổi hơn là với những giáo viên trẻ.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, không có sự khác biệt rõ ràng về mức độ khó khăn trong giao tiếp với giáo viên giữa học sinh thuộc các trường khác nhau.

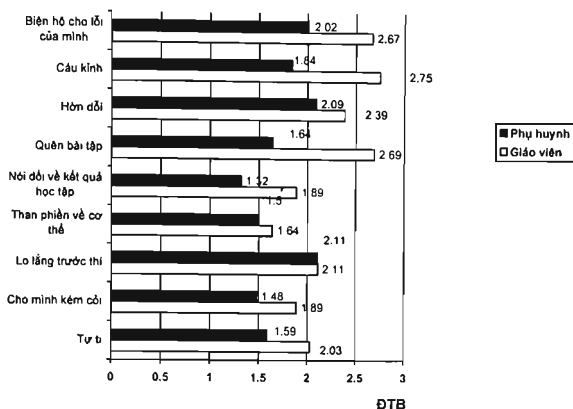
4.3. Khó khăn về đặc điểm tâm lý cá nhân

Kết quả nghiên cứu cho thấy, "*cáu kỉnh và dễ nổi nóng*" là dấu hiệu nổi bật nhất ở học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý trong giai đoạn đầu tiểu học (*điểm trung bình ở giáo viên = 2,75*). Trẻ có rối loạn tăng động, giảm chú ý, đặc biệt là trẻ thể tăng động - xung động thường rất khó kiểm chế cảm xúc của mình. Thêm vào đó, trẻ có rối loạn tăng động, giảm chú ý khó kiểm soát hành vi của mình nên trong những tình huống có sự bất đồng thường biểu hiện sự hung hãn và các hành vi gây hấn. Điều này không chỉ thể hiện trong quan hệ với cha mẹ và người thân mà còn thể hiện cả trong quan hệ với giáo viên và với bạn. Bất cứ ở đâu, nếu các nhu cầu của trẻ không được đáp ứng thì trẻ sẵn sàng vùng vằng hoặc ăn vạ mà không cần để ý đến những người xung quanh.

Xếp thứ hai là biểu hiện "*cố tình quên bài tập về nhà*". Trong số 44 phụ huynh được hỏi thì những trường hợp cho rằng, con mình thường xuyên quên bài tập về nhà đều rơi vào các em học sinh trường tiểu học Hương Long. Điều này có thể xuất phát từ thực tế là cha mẹ các em này chủ yếu làm nông hoặc buôn bán, trình độ học vấn không cao và cũng vì đặc thù của công việc, họ không có nhiều thời gian dành cho con. Vì thế, trẻ phải tự lo cho việc học hành của mình mà không nhận được sự nhắc nhở hay hỗ trợ từ phía gia đình.

Khó khăn thứ ba không kém phần quan trọng, đó là trẻ *luôn cố gắng dùng mọi lý lẽ khách quan để biện hộ cho những khuyết điểm của mình (điểm*

trung bình ở giáo viên = 2,67). Điều này cũng chứng tỏ rằng sự phòng vệ ở trẻ rất cao, trẻ sợ mắc lỗi và sợ giáo viên.



Biểu đồ 5: Các khó khăn về tâm lý cá nhân

Khác với những nhận định của giáo viên, biểu hiện được nhiều phụ huynh cho rằng vấn đề quan trọng nhất của con mình lại là việc trẻ “lo lắng trước các kỳ thi” (điểm trung bình ở phụ huynh = 2,11). Có khá nhiều nguyên nhân dẫn đến việc trẻ có những lo lắng quá mức hoặc thậm chí là nói dối, trong đó, áp lực chủ yếu đến từ phía gia đình. Bất cứ bậc cha mẹ nào cũng có những kỳ vọng nhất định về con mình. Đặc biệt là với những học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý (các em này thường tỏ ra nhanh nhẹn, hoạt bát, thông minh) và là con trai (86,4% số học sinh được nghiên cứu là nam) thì sự kỳ vọng của cha mẹ lại càng cao. Sự kỳ vọng này biểu hiện trước hết ở việc cha mẹ luôn luôn quan tâm đến điểm số của con mình trong các bài kiểm tra, trong các kỳ thi. Những gì chúng tôi ghi nhận được từ các cuộc phỏng vấn đối với cha mẹ cho thấy, hầu hết các bậc phụ huynh ít khi nói với con mình về mục đích thực sự của việc học tập mà chỉ nhấn mạnh vào điểm số của con: “con phải cố gắng đạt điểm 10”, “nếu được điểm 10 mẹ sẽ mua quà cho con”...; ngược lại, nếu trẻ

nhận được điểm thấp thì cha mẹ thường la mắng, quát nạt, thậm chí là đánh con. Sự mâu thuẫn giữa một bên là mong muốn đáp ứng sự mong đợi của người lớn để nhận được sự yêu thương, chiều chuộng với một bên là khả năng thực tế của bản thân khiến cho trẻ phải lựa chọn những cơ chế phòng vệ. Trẻ cố gắng biện minh cho những lỗi lầm của mình hay nói dối về kết quả học tập thực ra chỉ nhằm mục đích nhận được sự thương yêu và chấp nhận từ phía người lớn. Các bậc phụ huynh hoàn toàn có thể giúp trẻ bỏ các thói quen xấu đó bằng cách chấp nhận vấn đề của con mình; khuyến khích, động viên con; giảm bớt các áp lực về điểm số mà thay vào đó là chú trọng vào chất lượng kiến thức mà trẻ thu nhận được.

Như đã nói ở trên, hầu hết các bậc cha mẹ được khảo sát trong nghiên cứu này đều chưa nhận thức đúng về vấn đề của con mình. Mặc dù nhiều trẻ có biểu hiện rất rõ ràng của rối loạn tăng động - giảm chú ý, song các bậc phụ huynh vẫn cho đó là những biểu hiện bình thường. Theo họ, nghịch ngợm là dấu hiệu của sự thông minh. Hầu hết các học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý đều là con trai và một số trong đó là con trai duy nhất nên các em có vị thế rất quan trọng trong gia đình. Nếu như ở nhà trẻ được người lớn khen ngợi và cưng chiều bao nhiêu thì ở lớp, những lời đánh giá của giáo viên lại trái ngược bấy nhiêu. Điều đó rất dễ khiến cho trẻ trở nên bướng bỉnh và tự ti, không định hình được hình ảnh của bản thân. Theo kết quả nghiên cứu thu được, mức độ chênh lệch trong đánh giá của giáo viên và phụ huynh học sinh về vấn đề này khá cao. Có đến 27,8% giáo viên cho rằng, tự ti là một trong những khó khăn đáng lưu ý ở học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý; trong khi đó chỉ có 9,1% phụ huynh công nhận điều này.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở trên cho phép chúng tôi kết luận rằng, học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý giai đoạn đầu tiểu học gặp khá nhiều các khó khăn trong việc thích nghi với môi trường mới - môi trường học đường ở bậc tiểu học. Khó khăn lớn nhất mà trẻ có rối loạn tăng động giảm chú ý gặp phải khi gia nhập môi trường học đường đó là khó khăn trong việc thích nghi đối với hoạt động học tập. Đối với các mối quan hệ học đường, đa số học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý không gặp nhiều khó khăn trong xây dựng các mối quan hệ với bạn học. Mối liên hệ giữa rối loạn tăng động, giảm chú ý và khó khăn trong các mối quan hệ học đường không phải là mối liên hệ đơn tuyến, một chiều. Điều đó có nghĩa là, không phải bất cứ học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý nào cũng có khó khăn trong việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ với giáo viên và bạn bè mà ngược lại, một số trẻ lại rất được bạn bè và thầy cô yêu quý vì sự nhanh nhẹn và ngộ nghĩnh của mình. Bên cạnh hai khó khăn trong học tập và trong các mối quan hệ học đường nêu trên, học sinh có rối loạn tăng động, giảm chú ý còn gặp phải một số các khó khăn khác

về mặt tâm lý cá nhân mà nguyên nhân chính là do sự kỳ vọng quá cao của gia đình đối với các em. Để giúp đỡ các em hòa nhập tốt hơn với môi trường mới cần phải có sự kết hợp hành động giữa cả gia đình, nhà trường cũng như các cơ quan quản lý.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Mỹ Dung, *Nhà Tâm lý học đường và việc khắc phục khó khăn tâm lý trong học tập của học sinh tiểu học*, Kỷ yếu báo cáo khoa học Hội nghị Quốc tế lần thứ 2 về Tâm lý học đường ở Việt Nam - Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành tâm lý học đường tại Việt Nam, NXB Đại học Huế, Thành phố Huế, 2011.
2. Nguyễn Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Nga, *Lo âu học đường ở học sinh lớp 1*, Kỷ yếu hội thảo Khoa học Quốc tế: Nhu cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam, Hà Nội, 2009.
3. Ngô Thanh Hối, Nguyễn Mạnh Hoàn, Trần Thị Hồng Thu, *Chăm sóc và nâng cao sức khỏe tâm thần cho trẻ rối loạn tăng động, giảm chú ý tại các trường tiểu học thành phố Hà Nội*, Tạp chí Y học thực hành (730), tháng 8/2010.
4. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2000.
5. Nguyễn Thị Vân Thanh, *Đặc điểm tâm lý lâm sàng của học sinh tiểu học có rối loạn tăng động giảm chú ý*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học, 2010.
6. American Psychiatric Association, *Diagnostic and statistical manual of mental disorders: DSM-IV-TR*, Fourth edition, 2000.
7. Barkley R. A & Mash E. J., *Child Psychopathology*, Guilford Press, NewYork, 1996.
8. Catherine L. Bagwell Ph. D, Brooke S.G. Molina Ph.D., William E. Pelham Jr. Ph.D. and Betsy Hoza Ph.D., *Attention-Deficit Hyperactivity Disorder and Problems in Peer Relations: Predictions From Childhood to Adolescence*, Journal of the American Academy of Child & Adolescent Psychiatry Volume 40, Issue 11, November 2001.
9. Clark McKown and Rhona S. Weinstein, *Teacher expectations, classroom context, and the achievement gap*, Journal of School Psychology Volume 46, Issue 3, June 2008.
10. Schroeder Carolyn S. & Gordon Betty N., *Assessment & Treatment of Childhood Problems - A Clinician's Guide*, Guilford Press, NewYork, 2002.
11. Sterett H. Mercer and Melissa E. DeRosier, *Teacher preference, peer rejection, and student aggression: A prospective study of transactional influence and independent contributions to emotional adjustment and grades*, Journal of School Psychology Volume 46, Issue 6, December 2008, Pages 661-685.
12. Woolfolk A. E, Winne P.H, Perry N.E., *Educational Psychology*, Pearson Toronto, Canada, 2006,